

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/KDTM-ST

Ngày: 26-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại số 12/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74A/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 86A/2022/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2022/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Chi nhánh Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện: Ông Nguyễn Thế C - Chức vụ: Giám Đốc (theo quyết định ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S)

Ông Nguyễn Thế C ủy quyền lại cho ông Trần Triệu K - Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro (theo giấy ủy quyền số 70/2022/GUQ-CNSH ngày 01/3/2022); Có mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH N; Địa chỉ: phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện: Ông Nguyễn Hồng L - Chức vụ: Giám đốc; Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm 1996; Địa chỉ: phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2022, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là ông Trần Triệu K trình bày:*

** Khoản vay thứ nhất:*

Vào ngày 01/10/2019 Công ty TNHH N (gọi tắt là NHL) làm Giấy đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) với mục đích vay vốn: Mua xe ô tô và được Ngân hàng đồng ý cho vay theo: Hợp đồng tín dụng số LD1928900190 ngày 16/10/2019 với số tiền 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng chẵn)

Kèm theo là giấy nhận nợ số LD192910098 ngày 18/10/2019 số tiền vay là 700,000,000 đồng: Thời hạn cho vay 72 tháng, từ ngày 18/10/2019 đến 18/10/2025. Lãi suất 12 tháng đầu tiên: 10%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 3,9 %/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc. Kỳ trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng.

** Khoản vay thứ hai*

Vào ngày 04/01/2021 Công Ty TNHH N (gọi tắt là NHL) làm Giấy đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) với mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh và phát hành bảo lãnh được Ngân hàng đồng ý cho vay theo: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 202125941618 ngày 07/01/2021 với hạn mức: 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này.

Kèm theo là giấy nhận nợ số LD2119700305 ngày 16/07/2021 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng/Giấy nhận nợ số 202125941618 - 01 ngày 25/01/2021 số tiền vay 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn): Thời hạn vay từ ngày 16/07/2021 đến hết ngày 31/3/2022. Lãi suất 06 tháng: 7,5%/năm. Thời hạn trả nợ gốc đến hết ngày 31/3/2022, trả lãi vào ngày 30 hàng tháng

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Công ty TNHH N đã thế chấp cho Ngân hàng:

- Xe ô tô con pick up 05 chỗ ngồi nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER RAPTORR aNLP98F lắp ráp tại Thái Lan năm 2019, số khung FE60KX244150, số máy YN2QX244150, biển số xe 43A501.22; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082750 cấp ngày 15/10/2019 tại Phòng cảnh sát giao thông CA thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp số 7775 ngày 17/10/2019 đã được Văn Phòng Công Chứng

Trần Công M chứng nhận và được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 17/10/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng số 2028800608 (bảo đảm cho khoản vay 700.000.000 đồng).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là hệ thống đầm, móng gồm 05 đầm ngang, 08 đầm dọc và 10 trụ tại thửa đất số: 333, tờ bản đồ số: 20, diện tích 112 m², tọa lạc tại địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 620448, sổ vào sổ cấp GCN: CH00089 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 29/01/2010 đứng tên bà Huỳnh Thị Thùy T đã được Văn phòng công chứng Trần Công M chứng nhận theo Hợp đồng thế chấp số 000346 ngày 07/01/2021 (bảo đảm cho khoản vay 1.200.000.000 đồng).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty TNHH N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn, tổng số tiền công ty đã trả cho Ngân hàng là 436.879.486 đồng. Tính đến ngày 26/9/2022, bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền là 1.758.511.279 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.637.479.000 đồng, tiền lãi chuyển quá hạn là 26.767.008 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 93.421.705 đồng, lãi phạt là 843.566 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt là 843.566 đồng, yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 26/9/2022 là 1.757.667.713 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.637.479.000 đồng, tiền lãi chuyển quá hạn là 26.767.008 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 93.421.705 đồng và khoản tiền lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi Công ty TNHH N trả xong nợ. Nếu Công ty TNHH N không thực hiện, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- *Tại bản tự khai ngày 21/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thùy T trình bày:* Bà xác nhận có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là hệ thống đầm, móng gồm 05 đầm ngang, 08 đầm dọc và 10 trụ tại thửa đất số: 333, tờ bản đồ số: 20, diện tích 112 m², tọa lạc tại địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 620448, sổ vào sổ cấp GCN: CH00089 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 29/01/2010 đứng tên bà Huỳnh Thị Thùy T để đảm bảo cho khoản vay 1.200.000.000 đồng của Công ty TNHH N đối Ngân hàng Sacombank. Việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện đối với Công ty TNHH N bà không có ý kiến gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty TNHH N không có mặt tại Tòa án và không có bản khai gửi Tòa án.

Sau khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa cho bị đơn Công ty TNHH N nhưng Công ty vắng mặt.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp*

hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Về quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn: Đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia phiên hòa giải ngày 24/5/2021 và phiên tòa ngày hôm nay 26/9/2022.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về yêu cầu Công ty TNHH N trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 1.757.667.713 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp Công ty TNHH N không trả được thì tài sản đã thế chấp được xử lý theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Các đương sự chịu án phí KDTMST theo quy định của pháp luật.

3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S và Công ty TNHH N là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH N có địa chỉ tại phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thùy T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng lần thứ ba nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH N và bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 01/10/2019, Công ty TNHH N (gọi tắt là NHL) làm Giấy đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) với mục đích vay vốn: Mua xe ô tô và được Ngân hàng đồng ý cho vay theo: Hợp đồng tín dụng số LD1928900190 ngày 16/10/2019 với số tiền 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng chẵn)

Kèm theo là giấy nhận nợ số LD192910098 ngày 18/10/2019 số tiền vay là 700,000,000 đồng: Thời hạn cho vay 72 tháng, từ ngày 18/10/2019 đến 18/10/2025. Lãi suất 12 tháng đầu tiên: 10%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 3,9 %/năm và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc. Kỳ trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng.

Vào ngày 04/01/2021, Công Ty TNHH N (gọi tắt là NHL) tiếp tục làm Giấy đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) với mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh và phát hành bảo lãnh được Ngân hàng đồng ý cho vay theo: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 202125941618 ngày 07/01/2021 với hạn mức: 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này.

Kèm theo là giấy nhận nợ số LD2119700305 ngày 16/07/2021 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng/Giấy nhận nợ số 202125941618 - 01 ngày 25/01/2021 số tiền vay 1,200,000,000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn): Thời hạn vay từ ngày 16/07/2021 đến hết ngày 31/3/2022. Lãi suất 06 tháng: 7,5%/năm. Thời hạn trả nợ gốc đến hết ngày 31/3/2022, trả lãi vào ngày 30 hàng tháng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty TNHH N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn, tổng số tiền công ty đã trả cho Ngân hàng là 436.879.486 đồng. Tính đến ngày 26/9/2022, bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền là 1.758.511.279 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.637.479.000 đồng, tiền lãi chuyển quá hạn là 26.767.008 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 93.421.705 đồng, lãi phạt là 843.566 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt là 843.566 đồng, yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 26/9/2022 là 1.757.667.713 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.637.479.000 đồng, tiền lãi chuyển quá hạn là 26.767.008 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 93.421.705 đồng

Xét thấy: Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH N đã không thanh toán tiền gốc và tiền lãi định kỳ hàng tháng cho ngân hàng theo đúng cam kết như trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết, đã vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số LD1928900190 ngày 16/10/2019, mục 6 của giấy nhận nợ số LD192910098 ngày

18/10/2019 và Điều 6 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 202125941618 ngày 07/01/2021, mục 10 của giấy nhận nợ số LD2119700305 ngày 16/07/2021 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng/Giấy nhận nợ số 202125941618 - 01 ngày 25/01/2021. Do vậy, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Công ty TNHH N trả số nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/9/2022 là có căn cứ, phù hợp với Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số LD1928900190 ngày 16/10/2019, mục 6 của giấy nhận nợ số LD192910098 ngày 18/10/2019 và Điều 6 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 202125941618 ngày 07/01/2021, mục 10 của giấy nhận nợ số LD2119700305 ngày 16/07/2021 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng/Giấy nhận nợ số 202125941618 - 01 ngày 25/01/2021, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Công ty TNHH N trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2022 là 1.757.667.713 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.637.479.000 đồng, tiền lãi chuyển quá hạn là 26.767.008 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 93.421.705 đồng.

[3] Đối với tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Trường hợp Công ty TNHH N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì các tài sản thế chấp sau đây sẽ được xử lý theo Điều 299, Điều 303 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Xe ô tô con pick up 05 chỗ ngồi nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER RAPTORR aNLP98F lắp ráp tại Thái Lan năm 2019, số khung FE60KX244150, số máy YN2QX244150, biển số xe 43A; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082 cấp ngày 15/10/2019 tại Phòng cảnh sát giao thông CA thành phố Đà Nẵng (bảo đảm cho khoản vay 700.000.000 đồng).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là hệ thống đầm, móng gồm 05 đầm ngang, 08 đầm dọc và 10 trụ tại thửa đất số: 333, tờ bản đồ số: 20, diện tích 112 m², tọa lạc tại địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 620448, sổ vào sổ cấp GCN: CH00089 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 29/01/2010 đứng tên bà Huỳnh Thị Thùy T (bảo đảm cho khoản vay 1.200.000.000 đồng).

Trường hợp Công ty TNHH N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng phải trả lại cho bà Huỳnh Thị Thùy T: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 620448, sổ vào sổ cấp GCN: CH00089 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 29/01/2010 đứng tên bà Huỳnh Thị Thùy T

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ.

[5] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt tính đến ngày 26/9/2022 là 843.566 đồng nên Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[6] Về án phí; Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH N phải chịu là 36.000.000 đồng + $957.667.713 \times 3\% = 64.730.031$ đồng (sáu mươi tư triệu bảy trăm ba mươi ngàn không trăm ba mươi một đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 30.844.395 đồng (ba mươi triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng), đã nộp tại biên lai thu số 0001832 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) Công ty TNHH N phải chịu, nhưng Ngân hàng TMCP S đã tạm ứng trước (đã chi phí hết). Do vậy, Công ty TNHH N phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên bố: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty TNHH N về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2022 là 1.757.667.713 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.637.479.000 đồng, tiền lãi chuyển quá hạn là 26.767.008 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 93.421.705 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì các tài sản thế chấp sau đây sẽ được xử lý theo Điều 299, Điều 303 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Xe ô tô con pick up 05 chỗ ngồi nhãn hiệu FORD, số loại: RANGER RAPTORR aNLP98F lắp ráp tại Thái Lan năm 2019, số khung FE60KX244150, số máy YN2QX244150, biển số xe 43A; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082 cấp ngày 15/10/2019 tại Phòng cảnh sát giao thông CA thành phố Đà Nẵng (bảo đảm cho khoản vay 700.000.000 đồng).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là hệ thống đầm, móng gồm 05 đầm ngang, 08 đầm dọc và 10 trụ tại thửa đất số: 333, tờ bản đồ số: 20, diện tích 112 m², tọa lạc tại địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 620448, số vào sổ cấp GCN: CH00089 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 29/01/2010 đứng tên bà Huỳnh Thị Thùy T (bảo đảm cho khoản vay 1.200.000.000 đồng).

Trường hợp Công ty TNHH N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng phải trả lại cho bà Huỳnh Thị Thùy T: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 620448, số vào sổ cấp GCN: CH00089 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 29/01/2010 đứng tên bà Huỳnh Thị Thùy T

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi phạt tính đến ngày 26/9/2022 là 843.566 đồng.

5. Về án phí; Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH N phải chịu là 64.730.031 đồng (sáu mươi tư triệu bảy trăm ba mươi ngàn không trăm ba mươi một đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 30.844.395 đồng (ba mươi triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng), đã nộp tại biên lai thu số 0001832 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) Công ty TNHH N phải chịu, nhưng Ngân hàng TMCP S đã tạm ứng trước (đã chi phí hết). Do vậy, Công ty TNHH N phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6. Án xử công khai; Nguyên đơn, tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Trang

